ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3789 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Na Lúm, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2006/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cầu Na Lúm, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa; số 2487/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc sửa đổi một số nội dung điểm a khoản 1 Điều 2 của các Quyết định chủ trương đầu tư 26 dự án cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Thanh Hóa; số 123/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao cơ quan chủ trì thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 422/TTr-SXD ngày 04/11/2026 về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Na Lúm, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Văn bản số 13635/SXD-HĐXD ngày 29/10/2026 thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Na Lúm, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cầu Na Lúm, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm C; công trình giao thông, cấp III (cầu cấp III, đường cấp IV).

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: Xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi hướng tuyến và một số điểm khống chế của dự án:

+ Hướng tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo tuyến đường hiện trạng, phù hợp với tim tuyến theo Quy hoạch chung xây dựng xã Bát Mọt được UBND xã Bát Mọt phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 09/6/2026.

+ Điểm đầu: Km0+00, giao với đường hiện trạng QL.47 - thôn Chiềng - thôn Phống, thuộc địa phận xã Bát Mọt.

+ Điểm cuối: Khoảng Km0+207,43, giao với tuyến đường BTXM hiện trạng, thuộc địa phận xã Bát Mọt.

+ Một số điểm khống chế: Cao độ đường hiện trạng tại các vị trí kết nối (điểm đầu, điểm cuối tuyến) và cao độ mặt cầu theo tần suất thủy văn thiết kế P=1%.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: Khoảng 0,31ha.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; địa chỉ: số 46 đường Bùi Khắc Nhất, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn An Thịnh; mã số doanh nghiệp: 2802834772.

7. Mục tiêu dự án: Giải quyết tình trạng ngập lụt và chia cắt giao thông cục bộ trên tuyến đường kết nối từ thôn Phống sang khu dân cư và điểm trường Tiểu học, điểm trường Mầm non thôn Phống khi có mưa, lũ xảy ra; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới giao thông trên địa bàn xã; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

8. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ đầu tư trình tại Văn bản số 5189/BQLDA-KTTĐ ngày 22/10/2026, đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 13635/SXD-HĐXD ngày 29/10/2026; Chủ đầu tư chủ động cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

9. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới cầu Na Lúm và đường hai đầu cầu với tổng chiều dài tuyến khoảng 207,43m; cụ thể:

- Phần cầu: Xây dựng mới cầu Na Lúm bằng BTCT, BTCT dự ứng lực theo TCVN 11823:2017, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3x10^{-3}$MPa; tần suất thiết kế P=1%; chiều rộng cầu B_c=(0,25+4,5+0,25)m=5,0m.

- Phần đường hai đầu cầu: Xây dựng theo quy mô đường giao thông nông thôn cấp A miền núi, chiều rộng nền đường B_n=6,0m, mặt đường B_m=3,5m, lề đường 2x1,25m; vuốt nối phù hợp với bề rộng cầu và đường hiện trạng; mặt đường bằng BTXM 30MPa dày 24cm, móng bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 15cm.

10. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

10.1. Phần cầu:

Xây dựng mới cầu Na Lúm qua suối Phống, sơ đồ 02 nhịp 2x18m, chiều dài cầu tính đến đuôi mố L=44,15m. Cầu nằm trên đường thẳng, tim cầu chéo so với hướng dòng chảy 70°; độ dốc dọc cầu i_d=0%, dốc ngang mặt cầu hai mái i_n=2%; cầu không thông thuyền, có cây trôi.

- Kết cấu phần trên: Gồm 02 nhịp dầm bản BTCT DƯL 40MPa kéo trước, chiều dài L=18m, chiều cao dầm H=0,65m; mặt cắt ngang gồm 05 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm a=1,0m; bản mặt cầu và bản liên tục nhiệt tại trụ T1 bằng BTCT 30MPa, chiều dày tối thiểu H_{min}=19cm (có xét độ mài mòn 1cm); gờ lan can bằng BTCT 25MPa, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm; khe co giãn răng lược bằng thép; gối cầu bằng cao su bản thép kích thước (150x200x28)mm; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC D150mm, nắp chắn rác bằng gang đúc D220mm.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: Mố M1 dạng chữ U bằng BTCT 30MPa, chiều cao thân mố H=4,0m, bệ mố đặt trên 04 cọc khoan nhồi BTCT 30MPa đường kính D=1,0m, chiều dài cọc dự kiến từ đáy bệ đến mũi cọc 4,0m. Mố M2 dạng mố dẻo bằng BTCT 30MPa, chiều

cao thân mố H=3,3m, bệ mố đặt trên 02 cọc khoan nhồi BTCT 30MPa đường kính D=1,0m, chiều dài cọc dự kiến 5,0m. Mũi cọc các mố đặt vào lớp địa chất số 3 (đá sét kết màu xám nâu, xám ghi, rắn chắc, phong hóa nhẹ).

+ Trụ cầu T1: Dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT 30MPa; bệ trụ đặt trên 04 cọc khoan nhồi BTCT 30MPa đường kính D=1,0m, chiều dài cọc dự kiến từ đáy bệ đến mũi cọc 4,0m; mũi cọc đặt vào lớp địa chất số 3 (đá sét kết màu xám nâu, xám ghi, rắn chắc, phong hóa nhẹ).

+ Bản chuyển tiếp: Bằng BTCT 25MPa trên lớp bê tông đệm 8MPa, chiều dài L=5,0m, độ dốc 10%.

+ Tứ nón: Phạm vi đường đầu cầu tiếp giáp hai mố gia cố tứ nón bằng BTXM M200 dày 15cm trên lớp vữa đệm M100 dày 2cm; chân khay bằng BTXM M150; bậc lên xuống trong phạm vi tứ nón bằng bê tông M200.

- Tổ chức thi công cầu: Bố trí 01 mũi thi công cầu và 01 mũi thi công đường đồng thời; mặt bằng công trường thuê và bố trí bên phải phía đường đầu cầu mố M1; làm đường công vụ dọc cầu, đặt 02 cống thoát nước D=1,5m qua suối để phục vụ thi công và bảo đảm giao thông đi lại; thi công móng mố M1, trụ T1, mố M2 bằng phương pháp đào hố móng trần; dầm được đúc tại bãi đúc phía mố M1, cẩu lắp bằng cần cẩu.

10.2. Phần đường hai đầu cầu:

(1) Bình đồ:

Điểm đầu Km0+00 giao với đường hiện trạng QL47 - thôn Chiềng - thôn Phống; điểm cuối khoảng Km0+207,43 giao với tuyến đường BTXM hiện trạng. Tim tuyến cơ bản phù hợp với tim tuyến theo Quy hoạch chung xây dựng xã Bát Mọt được UBND xã Bát Mọt phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 09/6/2026; toàn tuyến có 01 đường cong nằm, bán kính R=50m.

Tổng chiều dài tuyến L=207,43m, bao gồm phần cầu dài L=44,15m và phần đường hai đầu cầu dài L=163,28m.

(2) Cắt dọc: Cao độ đường đỏ thiết kế được xác định trên cơ sở địa hình khu vực, cao độ đường hiện trạng và cao độ khống chế tại các vị trí kết nối, bảo đảm phù hợp với cao độ các công trình và tuyến đường hiện hữu. Độ dốc dọc lớn nhất i_{max}=3,08%.

(3) Cắt ngang: Chiều rộng nền đường B_n=6,0m; mặt đường B_m=3,5m; lề đường B_l=2x1,25m=2,5m. Độ dốc ngang mặt đường i_m=2%, lề đường i_l=4%. Tại vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến vuốt nối về đường hiện trạng. Những vị trí có rãnh dọc hở bằng BTXM, lề đường được gia cố đến sát mép rãnh bằng kết cấu như tuyến chính.

(4) Nền đường: Độ dốc mái taluy nền đào 1/1; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.

(5) Kết cấu áo đường: Mặt đường BTXM 30MPa dày 24cm trên lớp lót nilon ngăn cách; móng bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 15cm.

(6) Đường ngang: Bố trí 03 đường ngang dân sinh, thiết kế vuốt nối êm thuận về mặt đường hiện trạng; kết cấu mặt đường vuốt nối bằng BTXM 30MPa dày 20cm trên lớp lót nilon ngăn cách, móng bằng đá (4x6)cm chèn đá dăm dày 15cm.

(7) Công trình thoát nước:

a) Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa; đoạn qua khu vực dân cư bố trí rãnh kín có nắp đậy, đoạn ngoài khu dân cư bố trí rãnh hở; cụ thể:

- Đoạn qua khu dân cư: Lòng rãnh rộng B=50cm, chiều cao thay đổi theo địa hình; thân và móng rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm trên lớp móng BTXM M100 dày 10cm; nắp rãnh dạng tấm đan kết hợp bó vỉa (kín tại rãnh và có khe thu nước tại hố thu) bằng BTCT M300 dày 15cm tại tim nắp; hố thu nước bố trí trung bình 30m/01 hố bằng BTCT, đáy hạ thấp 30cm so với đáy rãnh dọc, kết cấu như rãnh dọc.

- Đoạn ngoài khu dân cư: Rãnh hở BTXM tiết diện chữ nhật, lòng rãnh rộng B=50cm, chiều cao thay đổi theo địa hình; thân, đáy rãnh bằng BTXM M200 dày 15cm, lót móng BTXM M100 dày 10cm.

- Cửa xả: Tường cánh, móng, sân cửa xả bằng BTXM M150.

b) Thoát nước ngang: Thanh lý và xây dựng mới 01 cống tròn khẩu độ 1,5m tại Km0+060; móng, tường đầu, tường cánh và sân cống bằng BTXM M150, ống cống bằng BTCT M200.

(8) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10.3. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường:

Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa có trách nhiệm chỉ đạo nhà thầu thực hiện đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).

11. Tổng mức đầu tư xây dựng phê duyệt: **12.046.539.000 đồng** *(Mười hai tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ, TĐC:	1.625.000.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	8.355.251.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	305.948.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	979.742.000	đồng.
- Chi phí khác:	206.953.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	573.645.000	đồng.

(Chi tiết có Phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Đảm bảo đủ phần đất để xây dựng và bảo vệ, bảo trì đường bộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND xã Bát Mọt là chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 13635/SXD-HĐXD ngày 29/10/2026.

- Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán…) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Bát Mọt; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CNXD (C).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU NA LÚM, XÃ BÁT MỘT, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	GIÁ TRỊ
I	**CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ, TĐC**	Khái toán	**1.625.000.000**
II	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	(1+2)	**8.355.251.000**
1	Chi phí xây dựng công trình		8.243.737.000
-	Cầu Na Lúm	Dự toán chi tiết	6.349.865.000
-	Đường hai đầu cầu	Dự toán chi tiết	1.893.872.000
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công		111.514.000
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	7.494.306.150 x 1,35 x 3,024%	**305.948.000**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**		**979.742.000**
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo KTKT; lập hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB và MLG	Theo Quyết định số 811/QĐ-BQLDA ngày 24/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	569.811.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Theo Quyết định số 697/QĐ-BQLDA ngày 17/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	8.343.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Theo Quyết định số 697/QĐ-BQLDA ngày 17/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	11.325.000
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	8.428.065.000 x 0,400%	33.712.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp	8.428.065.000 x 0,200%	16.856.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	7.494.306.150 x 1,2 x 3,203%	316.856.000
7	Chi phí cắm cọc GPMB		
-	Thi công cắm cọc GPMB	Khái toán sơ bộ	22.240.000
-	Giám sát thi công cắm cọc GPMB		599.000
V	**CHI PHÍ KHÁC**		**206.953.000**
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	12.046.539.000 x 0,5 x 0,019%	1.144.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
-	*Phần xây dựng*	10.421.539.000 x 0,385%	40.123.000
-	*Phần GPMB*	1.625.000.000 x 0,5 x 0,385%	3.128.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	GIÁ TRỊ
3	Chi phí đảm bảo ATGT đường bộ phục vụ thi công	Dự toán chi tiết	72.814.000
4	Chi phí thuê mặt bằng bãi thi công	Tạm tính 10.000.000 đồng/tháng x 08 tháng	80.000.000
5	Thuê tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác đối với khối lượng đất tận thu		
-	Thuế tài nguyên	1.472m³ x 49.000 đồng x 7%	5.048.000
-	Phí bảo vệ môi trường	1.472m³ x 2.000 đồng	2.944.000
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.472m³ x 49.000 đồng x 0,9 x 0,9 x 3%	1.752.000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**		**573.645.000**
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	11.472.894.000 x 5,00%	573.645.000
	TỔNG CỘNG	**(I+II+III+IV+V+VI)**	**12.046.539.000**